

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 7 năm 2025 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 8 544 270
- Fax : 0243 8 541 208

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện đến 220KV, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: Lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, lập dự toán công trình, lập hồ sơ và tổ chức đấu thầu thiết kế.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Thái Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Ông Đỗ Việt Khoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2026
Ông Lê Văn Lực	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Thành Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Quang	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Cao Thúy Nga	Thành viên	Ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên	Ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kim Cương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Hữu Chính	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Thái Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2021
Ông Đỗ Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2026
Ông Đặng Xuân Cung	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025
Ông Dương Anh Tuấn	Quyền Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Chinh (đến ngày 09 tháng 7 năm 2025) và Ông Nguyễn Kim Cương (từ ngày 10 tháng 7 năm 2025).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Nhóm công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 1.0641/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VII.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày thông tin về các vụ kiện liên quan đến Công ty do Ông Lê Phi Long và Bà Nguyễn Thị Ngải khởi kiện, bao gồm các diễn biến mới nhất cho đến thời điểm phát hành báo cáo này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 31 tháng 03 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Hoàng Đức - Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Người được uỷ quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		537.701.852.036	467.118.256.408
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.126.729.897	36.265.176.272
1. Tiền	111		32.126.729.897	36.265.176.272
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.300.000.000	2.676.827.417
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	51.300.000.000	2.676.827.417
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		358.965.316.950	324.946.933.535
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	408.203.906.221	370.180.516.681
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.717.816.358	14.570.937.493
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	45.143.451.052	54.113.869.797
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(113.099.856.681)	(113.918.390.436)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	94.342.739.993	102.342.499.062
1. Hàng tồn kho	141		153.901.898.418	152.753.348.793
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(59.559.158.425)	(50.410.849.731)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		967.065.196	886.820.122
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	967.065.196	860.549.307
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	8.691.962
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	17.578.853
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		541.223.127.954	573.751.565.960
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000	132.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		45.000.000	132.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		526.574.518.659	560.940.327.089
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	525.353.897.983	559.511.629.403
<i>Nguyên giá</i>	222		1.171.370.583.043	1.167.079.280.431
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(646.016.685.060)	(607.567.651.028)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.220.620.676	1.428.697.686
<i>Nguyên giá</i>	228		21.371.770.841	21.042.915.041
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(20.151.150.165)	(19.614.217.355)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	328.855.800
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	328.855.800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.603.609.295	12.350.383.071
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	7.150.381.040	3.866.602.458
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.7	7.453.228.255	8.483.780.613
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.078.924.979.990	1.040.869.822.368

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		567.602.030.994	646.384.603.282
I. Nợ ngắn hạn	310		567.118.697.666	534.579.992.978
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	66.853.747.641	61.279.155.328
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	104.393.842.081	84.352.531.545
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	41.330.537.339	32.893.821.038
4. Phải trả người lao động	314		86.955.092.769	56.634.549.212
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	11.362.469.053	14.148.844.089
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	95.774.967.309	94.363.582.295
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	133.697.399.217	166.008.267.214
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	26.750.642.257	24.899.242.257
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		483.333.328	111.804.610.304
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	483.333.328	111.804.610.304
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

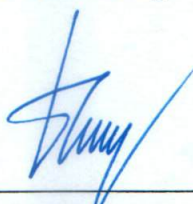
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		511.322.948.996	394.485.219.086
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	511.322.948.996	394.379.969.086
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		266.913.190.000	266.913.190.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		266.704.402.326	266.913.190.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		208.787.674	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		65.979.933.988	40.979.933.988
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		177.929.825.008	85.986.845.098
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.732.053.698	85.986.845.098
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		150.197.771.310	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	105.250.000
1. Nguồn kinh phí	431		-	105.250.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.078.924.979.990	1.040.869.822.368

Người lập biểu



Doãn Thị Thu Dung

Kế toán trưởng



Đặng Xuân Cung



Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

Nguyễn Kim Cương

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	708.618.098.604	564.287.089.964
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		708.618.098.604	564.287.089.964
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	462.722.639.803	348.450.405.357
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		245.895.458.801	215.836.684.607
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.907.468.416	2.070.864.286
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	11.009.481.947	25.260.682.660
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.988.960.121	23.641.509.127
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	218.472.295
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	44.083.624.105	74.659.891.917
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		192.709.821.165	117.768.502.021
12. Thu nhập khác	31	VI.5	2.936.981.412	1.377.911.720
13. Chi phí khác	32	VI.6	5.755.523.061	9.916.641.775
14. Lợi nhuận khác	40		(2.818.541.649)	(8.538.730.055)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		189.891.279.516	109.229.771.966
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		39.693.508.206	21.732.414.273
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		150.197.771.310	87.497.357.693
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		150.197.771.310	87.497.357.693
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	4.782	2.632
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	4.782	2.632

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Cung

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		189.891.279.516	109.229.771.966
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	39.697.916.556	39.678.165.412
- Các khoản dự phòng	03		8.329.774.939	46.112.161.899
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(753.300.805)	1.449.932.253
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		284.512.735	(601.971.125)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	10.988.960.121	23.641.509.127
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		248.439.143.062	219.509.569.532
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.902.865.100)	51.543.019.239
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(117.997.267)	(2.707.335.837)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		45.584.933.451	(6.318.753.285)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.390.294.471)	(126.091.946)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.026.825.118)	(16.056.520.759)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.832.602.354)	(25.494.447.953)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(15.388.600.000)	(9.121.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		208.364.892.203	211.227.638.991
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.003.252.326)	(2.755.539.407)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		22.727.273	563.530.556
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.300.000.000)	(2.676.827.417)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.676.827.417	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		200.619.442	56.622.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(53.403.078.194)	(4.812.213.881)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	22.357.105.503	61.825.442.836
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(165.989.250.476)	(250.185.853.645)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.480.802.622)	(5.603.110.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(159.112.947.595)	(193.963.521.684)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.151.133.586)	12.451.903.426
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	36.265.176.272	23.817.007.718
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.687.211	(3.734.872)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.126.729.897	36.265.176.272

Người lập biểu

Doãn Thị Thu Dung

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Cung

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn dịch vụ kỹ thuật và xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện đến 220KV, thủy lợi và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: Lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, lập dự toán công trình, lập hồ sơ và tổ chức đấu thầu thiết kế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, Công ty mẹ không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1	Số 1A, km số 2, đường Phùng Hưng, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2	8/2 Phan Đình Phùng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng	503 Núi Thành, phường Hoà Cường Nam, thành phố Đà Nẵng	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	Số 599 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội	Tư vấn thiết kế, khảo sát công trình điện	100%	100%	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm công ty có 562 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 580 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Nhóm công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Phí sử dụng phần mềm

Phí sử dụng phần mềm thể hiện khoản tiền phí đã trả cho nhà cung cấp. Phí sử dụng phần mềm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được sử dụng (1-3 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-30
Máy móc và thiết bị	5-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10
Tài sản cố định khác	3-10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06-10 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty mua bán điện - Tổng Công ty Điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	953.993.936	331.094.750
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.172.735.961	35.934.081.522
Cộng	32.126.729.897	36.265.176.272

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,6% đến 7,8%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	263.699.580.588	218.110.811.073
Công ty Mua bán điện	64.463.576.225	57.596.603.585
Ban Quản lý dự án Điện 1	36.851.786.682	20.200.728.686
Ban Quản lý dự án Điện 2	35.160.270.367	14.107.500.862
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Bắc	40.054.018.043	29.552.032.784
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Trung	18.923.971.989	31.911.935.084
Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện	9.641.975.291	12.045.973.312
Ban Quản lý dự án Lưới điện Hà Nội	6.127.678.886	5.847.929.965
Công ty Truyền tải Điện 1	6.561.446.881	3.483.268.287
Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực	3.106.778.655	2.365.910.188
Ban Quản lý dự án Xây dựng điện Miền Bắc	1.870.177.476	3.863.857.166
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.376.516.732	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	1.394.269.424	1.394.269.424
Các đơn vị khác thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	38.167.113.937	35.740.801.730
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	144.504.325.633	152.069.705.608
Cộng	408.203.906.221	370.180.516.681

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Hòa Bình	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Vinteg	-	1.095.200.000
Các nhà cung cấp khác	17.217.816.358	11.975.737.493
Cộng	18.717.816.358	14.570.937.493

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	19.371.420.124	(545.061.199)	20.031.588.963	(566.524.498)
Ký quỹ	13.091.839.229	-	19.314.325.960	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.947.701.848	-	2.092.769.887	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ứng lương công trình	5.607.594.649	-	5.370.622.154	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.124.895.202	(4.231.807.228)	7.304.562.833	(4.954.963.985)
Cộng	45.143.451.052	(4.776.868.427)	54.113.869.797	(5.521.488.483)

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	16.751.114.343	18.799.300.021
Ban Quản lý dự án lưới điện - Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	4.986.911.404	5.291.212.284
Ban Quản lý dự án Phát triển điện lực	2.556.048.585	1.773.141.040
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Nam	-	1.222.732.291
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Bắc	259.638.204	1.323.549.735
Các đơn vị khác thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	8.948.516.150	9.188.664.671
Phải thu các khách hàng khác	73.179.659.301	75.976.992.613
Công ty Cổ phần truyền tải điện Lộc Ninh	7.028.886.275	7.028.886.275
Công ty Cổ phần Xây dựng & Lắp máy Trung Nam	5.399.790.152	5.399.790.152
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Nho Quế	4.999.999.599	5.180.920.765
Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình	4.765.595.731	4.765.595.731
Các khách hàng khác	50.985.387.544	53.601.799.690
Tạm ứng	545.061.199	566.524.498
Phải thu khác	4.231.807.228	4.954.963.985
Trả trước cho nhà cung cấp	18.392.214.610	13.620.609.319
Cộng	113.099.856.681	113.918.390.436

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	113.918.390.436	73.821.626.278
Trích lập dự phòng bổ sung	21.953.988.869	40.096.764.158
Hoàn nhập dự phòng	(22.772.522.625)	-
Số cuối năm	113.099.856.680	113.918.390.436

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.609.294.061	-	2.529.894.846	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	152.046.055.900	(59.559.158.425)	149.976.905.490	(50.410.849.731)
Hàng hóa	246.548.457	-	246.548.457	-
Cộng	153.901.898.418	(59.559.158.425)	152.753.348.793	(50.410.849.731)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9.166.066.330	(1.712.838.075)	10.196.618.688	(1.712.838.075)
Cộng	9.166.066.330	(1.712.838.075)	10.196.618.688	(1.712.838.075)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	50.410.849.731	44.395.451.990
Trích lập dự phòng bổ sung	10.693.919.510	6.015.397.741
Hoàn nhập dự phòng	(1.545.610.816)	
Số cuối năm	59.559.158.425	50.410.849.731

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	313.657.603	380.953.276
Chi phí phần mềm	556.021.683	479.596.031
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	97.385.910	-
Cộng	967.065.196	860.549.307

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phần mềm	477.083.373	476.251.858
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.118.892.100	1.856.771.437
Chi phí sửa chữa	56.840.000	
Quyền sử dụng đất có thời hạn	1.497.565.567	1.533.579.163
Cộng	7.150.381.040	3.866.602.458

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.443.177.942	19.599.737.099	21.042.915.041
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	328.855.800	328.855.800
Số cuối năm	1.443.177.942	19.928.592.899	21.371.770.841
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	97.053.000	17.831.827.099	17.928.880.099
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.071.147.000	18.543.070.355	19.614.217.355
Khấu hao trong năm	-	536.932.810	536.932.810
Số cuối năm	1.071.147.000	19.080.003.165	20.151.150.165
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	372.030.942	1.056.666.744	1.428.697.686
Số cuối năm	372.030.942	848.589.734	1.220.620.676
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	794.236.624.771	282.794.288.361	59.151.458.337	9.089.093.553	21.807.815.409	1.167.079.280.431
Mua trong năm	-	1.011.878.750	3.193.235.090	581.019.967	217.118.519	5.003.252.326
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.285.714)	(677.664.000)	-	-	(711.949.714)
Số cuối năm	794.236.624.771	283.771.881.397	61.667.029.427	9.670.113.520	22.024.933.928	1.171.370.583.043
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.762.246.860	37.924.050.537	56.001.233.248	8.022.919.465	228.799.000	122.939.249.110
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	323.823.661.376	210.901.135.293	58.029.903.899	8.401.312.979	6.411.637.481	607.567.651.028
Khấu hao trong năm	28.697.301.684	9.191.963.983	471.790.484	335.810.246	464.117.349	39.160.983.746
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.285.714)	(677.664.000)	-	-	(711.949.714)
Số cuối năm	352.520.963.060	220.058.813.562	57.824.030.383	8.737.123.225	6.875.754.830	646.016.685.060
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	470.412.963.395	71.893.153.068	1.121.554.438	687.780.574	15.396.177.928	559.511.629.403
Số cuối năm	441.715.661.711	63.713.067.835	3.842.999.044	932.990.295	15.149.179.098	525.353.897.983
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>328.616.490</i>	<i>1.474.290.913</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	171.383.439
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 - Xí nghiệp khảo sát tổng hợp Miền Nam	140.125.556	140.125.556
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	157.133.934	1.131.424.918
Công ty TNHH một thành viên Thí nghiệm điện miền Bắc	31.357.000	31.357.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>66.525.131.151</i>	<i>59.804.864.415</i>
HydroChina Zhongnan Engineering Corporation	12.663.773.635	12.267.205.525
Công ty TNHH HTC Vân Phong	7.140.853.832	160.218.229
Các nhà cung cấp khác	46.720.503.684	47.377.440.661
Cộng	<u>66.853.747.641</u>	<u>61.279.155.328</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>68.363.425.099</i>	<i>57.506.106.210</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	161.500.000	161.500.000
Ban Quản lý dự án Điện 1	3.153.961.905	6.493.452.029
Ban Quản lý dự án Điện 2	14.790.331.726	19.610.003.674
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Bắc	643.691.636	11.602.405.667
Ban Quản lý dự án Các công trình điện Miền Trung	17.936.413.070	2.660.882.947
Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện	1.083.960.608	6.980.105.091
Ban Quản lý dự án Lưới điện Hà Nội	12.671.119.691	530.965.142
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3	-	2.100.000.000
Các đơn vị khác thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	17.922.446.463	7.366.791.660
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>36.030.416.982</i>	<i>26.846.425.335</i>
Cộng	<u>104.393.842.081</u>	<u>84.352.531.545</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.848.617.087	17.578.853	48.521.581.573	(50.301.238.219)	12.051.381.588
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.286.343.262	-	39.693.508.206	(30.832.602.354)	20.147.249.114
Thuế thu nhập cá nhân	329.489.136	-	14.537.378.194	(12.441.986.577)	2.424.880.753
Thuế tài nguyên	2.290.388.591	-	28.661.304.386	(28.011.479.077)	2.940.213.900
Phí dịch vụ môi trường rừng	2.997.809.784	-	9.461.577.096	(9.224.478.648)	3.234.908.232
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	2.441.339.000	(2.441.339.000)	-
Thuế nhà đất	35.596.717	-	34.385.384	(69.982.101)	-
Tiền thuê đất	-	-	1.842.661.081	(1.800.926.780)	41.734.301
Các loại thuế khác	-	-	97.310.939	(97.310.939)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.105.576.461	-	3.875.310.365	(5.490.717.375)	490.169.451
Cộng	<u>32.893.821.038</u>	<u>17.578.853</u>	<u>149.166.356.224</u>	<u>(140.712.061.070)</u>	<u>41.330.537.339</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ và các Công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% - 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ và các Công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty mẹ và các Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty mẹ phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với các mức là: 2.103,1159 VND/KWh (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 09/05/2025); 2.204,0655 VND/KWh (từ ngày 10/05/2025) x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Tiền thuê đất

Công ty mẹ được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích 2.390.076,2 m² đất đang sử dụng tại xã Mả Coih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất do dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty mẹ phải nộp tiền sử dụng đất cho các khu đất đang sử dụng với các mức như sau:

Vị trí đất

- Diện tích 9.003,4 m²
- Diện tích 8.897,8 m²

Mức tiền thuê (năm)

235.651 VND/m²
625 VND/m²

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty mẹ phải nộp phí dịch vụ môi trường đối với hoạt động khai thác thủy điện với mức 36 VND/KWh x Sản lượng.

Các loại thuế khác

Công ty mẹ và các Công ty con kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	34.440.268	366.156.532
Trích trước chi phí các công trình	9.236.302.587	11.351.837.212
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản Nhà máy Sông Bung 5	954.471.245	954.471.245
Chi phí đồng phục	414.000.000	436.500.000
Chi phí ăn ca	592.899.000	657.517.100
Thù lao Ban Kiểm soát	-	373.962.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	130.355.953	8.400.000
Cộng	11.362.469.053	14.148.844.089

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	6.729.609.607	5.891.709.611
Ông Lê Minh Hà - lãi vay phải trả	6.729.609.607	5.891.709.611
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	89.045.357.702	88.471.872.684
Kinh phí công đoàn	697.668.657	1.117.442.637
Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thất nghiệp	180.587.856	107.249.441
Cổ tức phải trả	3.346.968.493	2.812.979.715
Phải trả CBNV tiền ứng mua vật tư	1.983.479.455	6.179.573.768
Phải trả các phòng ban, đội thi công công trình	8.571.400.378	13.874.210.024
Phải trả lãi vay (*)	53.517.103.679	46.223.252.412
Ông Lê Phi Long	39.993.399.481	35.710.799.493
Bà Nguyễn Thị Ngai	6.090.496.449	5.123.586.449
Các cá nhân khác	7.433.207.749	5.388.866.470
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.748.149.184	18.157.164.687
Cộng	95.774.967.309	94.363.582.295

(*) Lãi vay cá nhân phải trả được Công ty mẹ tính và ghi nhận dựa trên tiền gốc vay theo giấy nhận nợ và lãi theo thông báo từng kỳ của Công ty (xem thêm tại thuyết minh số VII.1).

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>	12.600.000.000	12.600.000.000
Ông Lê Minh Hà	12.600.000.000	12.600.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	229.520.407	30.167.362.338
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	14.017.757.069
- Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	11.492.664.484
- Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	4.521.402.926
- Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱ⁾	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội	229.520.407	135.537.859
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾</i>	111.590.771.635	114.982.036.173
Ông Lê Phi Long	64.400.000.000	64.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngai	14.540.000.000	14.540.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	32.650.771.635	36.042.036.173
<i>Vay lương ^(iv)</i>	9.277.107.175	8.186.368.699
<i>Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng</i>	-	72.500.004
(xem thuyết minh số V.17b)	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	72.500.004
Cộng	133.697.399.217	166.008.267.214

(i) Các khoản vay Ngân hàng để trả lương nhân viên, có thời hạn không quá 9 tháng, lãi suất cho vay 6%/năm, đã được tất toán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Các khoản vay cá nhân là bên liên quan theo các Giấy nhận nợ, mục đích bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty, thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận trên Giấy nhận nợ (7% /năm), không có tài sản đảm bảo (xem thêm thuyết minh số VII.1).
- (iii) Các khoản vay cán bộ, công nhân viên trong Công ty, tương ứng với giá trị khối lượng công việc đã được nghiệm thu, áp dụng lãi suất 2%/năm đối với phần khối lượng đã được khách hàng thanh toán và lãi suất 0%/năm đối với phần khối lượng đã được nghiệm thu nhưng chưa được khách hàng thanh toán. Thời hạn vay đến ngày 30/09/2026, nhằm bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	12.600.000.000	-	-	-	12.600.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.167.362.338	21.584.009.357	-	(51.521.851.288)	229.520.407
Vay ngắn hạn các cá nhân	114.982.036.173	-	-	(3.391.264.538)	111.590.771.635
Vay lương	8.186.368.699	773.096.146	60.041.064.391	(59.723.422.061)	9.277.107.175
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	72.500.004	-	-	(72.500.004)	-
Cộng	166.008.267.214	22.357.105.503	60.041.064.391	(114.709.037.891)	133.697.399.217

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	-	26.504.443.756
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	483.333.328	483.333.328
Vay lương	-	84.816.833.220
Cộng	483.333.328	111.804.610.304

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để đầu tư dự án Thủy điện Sông Bung 5. Khoản vay đã được tất toán trong năm.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12/8/2024, hạn mức 580.000.000 VND, thời hạn vay 96 tháng. Mục đích để mua xe ô tô, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô tải Ford Ranger.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	72.500.004
Trên 1 năm đến 5 năm	483.333.328	111.804.610.304
Cộng	483.333.328	111.877.110.308

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay lương	Cộng
Số đầu năm	26.987.777.084	84.816.833.220	111.804.610.304
Số tiền vay đã trả	(26.504.443.756)	(24.775.768.829)	(51.280.212.585)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn		(60.041.064.391)	(60.041.064.391)
Số cuối năm	483.333.328	-	483.333.328

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	13.641.904.401	8.455.000.000	(881.800.000)	21.215.104.401
Quỹ phúc lợi	10.967.337.856	8.455.000.000	(13.886.800.000)	5.535.537.856
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	290.000.000	330.000.000	(620.000.000)	-
Cộng	24.899.242.257	17.240.000.000	(15.388.600.000)	26.750.642.257

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	266.913.190.000	500.000.000	22.979.933.988	60.769.146.905	351.162.270.893
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	87.497.357.693	87.497.357.693
Trích quỹ trong năm	-	-	18.000.000.000	(48.933.659.500)	(30.933.659.500)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.346.000.000)	(13.346.000.000)
Số dư cuối năm trước	266.913.190.000	500.000.000	40.979.933.988	85.986.845.098	394.379.969.086
Số dư đầu năm nay	266.913.190.000	500.000.000	40.979.933.988	85.986.845.098	394.379.969.086
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	150.197.771.310	150.197.771.310
Trích quỹ trong năm	-	-	25.000.000.000	(42.240.000.000)	(17.240.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(16.014.791.400)	(16.014.791.400)
Số dư cuối năm nay	266.913.190.000	500.000.000	65.979.933.988	177.929.825.008	511.322.948.996

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty TNHH MTV	145.042.270.000	145.042.270.000
Ông Lê Minh Hà	27.637.250.000	32.856.250.000
Cổ đông khác	94.233.670.000	89.014.670.000
Cộng	266.913.190.000	266.913.190.000

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết số 02/02/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 như sau:

	VND
- Quỹ Đầu tư phát triển (28,57% lợi nhuận sau thuế)	25.000.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động năm 2024)	16.910.000.000
- Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên (1 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên)	330.000.000
- Chia cổ tức	16.014.791.400

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành công chúng	26.691.319	26.691.319
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.691.319	26.691.319

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

19a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 629.669,45 USD (Số đầu năm: 407.647,90 USD).

19b. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ có các hợp đồng thuê đất dài hạn, trả tiền hàng năm, bao gồm:

<u>Địa điểm</u>	<u>Mục đích thuê</u>	<u>Thời gian thuê</u>	<u>Diện tích</u>
Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội	Làm Trụ sở Công ty	Đến tháng 10/2043	9.003,4 m ²
Xã Bến Hiên, thành phố Đà Nẵng	Xây Nhà máy Thủy điện	Đến tháng 8/2059	1.270.421 m ²
Xã Thạnh Mỹ, thành phố Đà Nẵng	Xây Nhà máy Thủy điện	Đến tháng 8/2059	925.153 m ²

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	261.600.008.625	215.941.302.364
Doanh thu khảo sát, thiết kế công trình điện	446.981.423.312	347.671.343.154
Doanh thu hoạt động khác	36.666.667	674.444.446
Cộng	708.618.098.604	564.287.089.964

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	321.825.000	-
Công ty Thủy điện Hòa Bình	6.447.104.216	658.419.091
Công ty Thủy điện Italy	1.953.066.752	
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	3.963.708.787	3.839.535.422
Công ty Thủy điện Sơn La	12.793.164.327	21.844.235.574
Công ty Thủy điện Huội Quảng-Bản Chát	11.293.844.869	2.958.943.777
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	603.970.028	
Ban Quản lý dự án Điện 1	80.196.495.963	6.928.175.465
Ban Quản lý dự án Điện 2	66.171.656.541	40.709.635.819
Ban Quản lý dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận	932.472.683	
Công ty Mua bán điện	261.600.008.625	192.035.901.825
Ban Quản lý dự án phát triển Điện lực	-	(1.067.794)
Ban Quản lý dự án Phát triển Điện lực Hà Nội-	2.388.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà nội		
Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội	-	4.454.054.752
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	49.900.185.664	30.433.815.792
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	22.529.536.135	69.904.415.599
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	-	254.129.053
Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện	28.870.439.863	15.866.098.161
Ban Quản lý dự án xây dựng Điện Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	-	11.168.977.896
Ban Quản lý dự án lưới điện Hà Nội	10.990.257.110	
Ban quản lý dự án lưới điện - Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.217.959.066	
Công ty Truyền tải điện 1	2.746.137.705	2.292.511.294
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1	-	737.247.050
Công ty thủy điện Bản Vẽ	3.143.737.000	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	584.125.000	
Công ty Thủy điện Sông Tranh	-	2.023.930.726
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim- Hàm Thuận- Đa Mi	162.950.400	
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	7.462.659	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.152.656.426	
Công ty Thủy điện Thác Bà	552.341.982	1.323.878.123
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	81.551.172	
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	-	218.997.870
Công ty Thủy điện Sông Bung	-	82.760.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	21.092.872.074	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3	6.372.762.650	
Nhà máy thủy điện Hồ Hô - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	(70.780.210)	(18.803.894)
Công ty Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	-	70.982.315
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	96.545.499.181	85.832.933.564
Giá vốn khảo sát, thiết kế công trình điện	357.018.031.928	256.323.631.676
Giá vốn hoạt động khác	10.800.000	6.015.397.741
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.148.308.694	278.442.376
Cộng	462.722.639.803	348.450.405.357
3. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.988.960.121	23.641.509.127
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	20.521.826	169.241.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.449.932.253
Cộng	11.009.481.947	25.260.682.660

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	30.997.853.503	20.787.494.049
Chi phí vật liệu quản lý	107.928.650	150.262.895
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.849.845	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	771.028.675	788.322.739
Thuế, phí và lệ phí	2.141.772.973	1.890.180.701
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(818.533.755)	40.096.764.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.170.073.283	3.689.608.626
Các chi phí khác	7.549.650.931	7.257.258.749
Cộng	44.083.624.105	74.659.891.917

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	22.727.273	173.181.819
Thu nhập từ cho thuê diện tích lắp đặt trạm thu phát sóng	98.181.818	488.530.556
Thu nhập khác	2.816.072.321	716.199.345
Cộng	2.936.981.412	1.377.911.720

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	507.859.450	-
Các khoản bị phạt	3.930.232.294	7.768.990.463
Chi phí bồi thường hợp đồng	1.134.613.769	85.455.466
Chi phí khác	182.817.548	2.062.195.846
Cộng	5.755.523.061	9.916.641.775

7. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	150.197.771.310	87.497.357.693
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(22.570.000.000)	(17.240.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	127.627.771.310	70.257.357.693
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	26.691.319	26.691.319
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.782	2.632

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại, giảm từ 3.278 VND xuống còn 2.632 VND do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được ước tính bằng 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động năm 2025, theo mức trích của năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.558.303.253	18.677.668.207
Chi phí nhân công	209.980.221.420	156.935.211.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.697.916.556	39.678.165.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.642.580.156	40.628.585.650
Chi phí khác	180.996.392.933	158.744.723.430
Cộng	508.875.414.318	414.664.354.461

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các vụ kiện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang có tranh chấp về việc chưa thanh toán các khoản gốc vay và lãi vay cho các cá nhân là Ông Lê Phi Long và Bà Nguyễn Thị Ngải, với số tiền lần lượt là 78.940.000.000 VND và 46.083.895.930 VND (xem Thuyết minh V.15 và V.16a). Đây là các khoản vay cá nhân phát sinh trong giai đoạn từ năm 2013-2017, nhưng chưa phù hợp với Quy chế hoạt động của Công ty. Công ty đã gửi thông báo cho các cá nhân về việc từ ngày 01 tháng 9 năm 2022, Công ty thực hiện khoanh lại toàn bộ các khoản nợ này, tạm thời chưa trả gốc và lãi vay cho đến khi hoàn thành việc rà soát, đánh giá tính hợp pháp, hợp lệ của các khoản vay. Ông Lê Phi Long và Bà Nguyễn Thị Ngải đã có đơn khởi kiện Công ty gửi đến Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Hà Nội/“Tòa án”).

Về vụ kiện với Bà Nguyễn Thị Ngải

Theo thông báo số 82/TB-TLVA ngày 25 tháng 6 năm 2024, Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự số 82/2024/TLST-DS về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Ngải (người khởi kiện). Ngày 12 tháng 12 năm 2025, Tòa án đã tuyên bản án sơ thẩm số 2984/2025/DSST (“Bản án sơ thẩm”), xác định 08 giấy nhận nợ là vô hiệu. Công ty phải hoàn trả và bồi thường cho bà Ngải là 17.694.778.724 VND.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nộp Đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm để xem xét lại tỷ lệ lỗi của các bên liên quan để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và cùng ngày Tòa án đã có thông báo về việc tiếp nhận Đơn kháng cáo. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Tòa án chưa tiến hành xét xử phúc thẩm. Trong trường hợp kết quả phúc thẩm không thay đổi so với Bản án sơ thẩm, số dư chi phí lãi vay đã trích của Công ty đủ để thanh toán nghĩa vụ tài chính cho Bà Ngải và phần còn lại sẽ được ghi nhận vào thu nhập khác.

Về vụ kiện với Ông Lê Phi Long

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa có thông báo của Tòa án về vụ kiện của Ông Lê Phi Long.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Nhóm công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Nguyễn Hữu Chính	Chủ tịch HĐQT (từ 26/6/2025) /Tổng Giám đốc (đến 26/6/2025)	904.644.196	68.720.000	973.364.196
Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch HĐQT (đến 26/6/2025)		115.200.000	115.200.000
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên HĐQT (từ 26/6/2025) /Tổng Giám đốc (từ 03/7/2025)	639.396.480	73.720.000	713.116.480
Ông Trần Thái Hải	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	668.958.462	132.440.000	801.398.462
Ông Đỗ Việt Khoa	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	639.182.355	65.000.000	704.182.355
Ông Lê Văn Lực	Thành viên HĐQT độc lập		170.000.000	170.000.000
Ông Lê Thành Chung	Thành viên HĐQT (đến 26/6/2025)		79.560.000	79.560.000
Ông Nguyễn Hồng Quang	Trưởng BKS		192.000.000	192.000.000
Bà Cao Thúy Nga	Thành viên BKS	677.734.785		677.734.785
Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên BKS		187.200.000	187.200.000
Ông Đặng Xuân Cung	Kế toán trưởng (từ 01/7/2025)	421.200.000	-	421.200.000
Ông Dương Anh Tuấn	Quyền Kế toán trưởng (đến 01/7/2025)	421.200.000	-	421.200.000
Cộng		4.372.316.278	1.083.840.000	5.456.156.278
Năm trước				
Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch HĐQT		155.520.000	155.520.000
Ông Nguyễn Hữu Chính	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	750.000.500	-	750.000.500
Ông Nguyễn Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc	662.400.000	-	662.400.000
Ông Trần Thái Hải	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	664.400.000	-	664.400.000
Ông Đỗ Việt Khoa	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	850.008.000	-	850.008.000
Ông Lê Thành Chung	Thành viên HĐQT		133.400.000	133.400.000
Ông Lê Văn Lực	Thành viên HĐQT độc lập		264.757.000	264.757.000
Ông Nguyễn Hồng Quang	Trưởng BKS		138.240.000	138.240.000
Bà Cao Thúy Nga	Thành viên BKS	664.353.000	-	664.353.000
Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên BKS		132.480.000	132.480.000
Ông Dương Anh Tuấn	Quyền Kế toán trưởng	604.802.500	-	604.802.500
Cộng		4.195.964.000	824.397.000	5.020.361.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ và các Công ty con gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý dự án Các công trình Điện Miền Bắc	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Các công trình Điện Miền Trung	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Các công trình Điện Miền Nam	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Điện 1	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Điện 2	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Truyền tải Điện	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Phát triển Điện lực Hà Nội	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2	Cùng Tập đoàn EVN
Ban Quản lý dự án Thủy điện Sơn La	Cùng Tập đoàn EVN
Công ty Mua bán điện	Cùng Tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Huội Quảng Bản Chát	Cùng Tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Italy	Cùng Tập đoàn EVN
Công ty Thủy điện Sơn La	Cùng Tập đoàn EVN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
Các Công ty con khác của EVN và Ban Quản lý khác thuộc EVN
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào
Ông Lê Minh Hà

Mối quan hệ

Cùng Tập đoàn EVN
Cùng tập đoàn EVN
Cùng Tập đoàn EVN
Cùng Tập đoàn EVN
Cùng Tập đoàn EVN
Cùng Tập đoàn EVN
Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Nhóm công ty chỉ phát sinh lãi vay phải trả với ông Lê Mạnh Hà – Cổ đông lớn, số tiền 837.899.996 VND (Năm trước: 840.195.614 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.11, V.12, V.15 và V.16a.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thủy điện.
- Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	261.600.008.625	447.018.089.978	708.618.098.603
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	261.600.008.625	447.018.089.978	708.618.098.603
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	165.054.509.444	80.840.949.357	245.895.458.801
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(44.083.624.104)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			201.811.834.697
Doanh thu hoạt động tài chính			1.907.468.416
Chi phí tài chính			(11.009.481.947)
Thu nhập khác			2.936.981.412
Chi phí khác			(5.755.523.061)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(39.693.508.206)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			150.197.771.311
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.339.713.100	6.275.667.985	10.615.381.085
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	38.143.272.548	4.053.603.040	42.196.875.588

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	215.941.302.364	348.345.787.600	564.287.089.964
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.941.302.364	348.345.787.600	564.287.089.964
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	130.108.368.800	85.728.315.807	215.836.684.607
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(74.878.364.212)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			140.958.320.395
Doanh thu hoạt động tài chính			2.070.864.286
Chi phí tài chính			(25.260.682.660)
Thu nhập khác			1.377.911.720
Chi phí khác			(9.916.641.775)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(21.732.414.273)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			87.497.357.693
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	725.328.140	3.866.737.577	4.592.065.717
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	37.542.456.020	2.135.709.392	41.250.073.939

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực khảo sát, thiết kế công trình điện	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	585.982.774.582	364.340.224.460	950.322.999.042
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			128.615.180.949
Tổng tài sản			1.078.938.179.991
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	412.578.958.629	412.578.958.629
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			155.036.272.365
Tổng nợ phải trả			567.615.230.994
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	616.727.186.332	330.928.491.735	947.655.678.067
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			93.214.144.301
Tổng tài sản			1.040.869.822.368
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	26.504.443.756	505.452.547.019	531.956.990.775
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			114.427.612.507
Tổng nợ phải trả			646.384.603.282

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Địa chỉ: Số 66 phố Lương Ngọc Quyền, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Doãn Thị Thu Dung

Kế toán trưởng



Đặng Xuân Cung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

